

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/ HNGĐ- ST

Ngày 12/9/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai và ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Phú - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 1/6G, Á, H, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu dân Đ, phường C, thành phố C, tỉnh H;

Chị T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Phạm Thị Thuận trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh H ngày 01 tháng 02 năm 2013. Khi đó chị 22 tuổi làm nhân viên văn phòng, anh 22 tuổi làm thợ cơ khí tại thành phố H. Anh chị không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, bản thân anh chị

ở xa quê không có điều kiện tổ chức lễ cưới. Anh chị chỉ về quê anh T đăng ký kết hôn rồi lại vào thành phố H để sinh sống. Năm 2013 anh chị về quê anh T tại C, C, H sinh sống. Thời gian này vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Anh T có chơi bời cờ bạc, chị nhắc nhở, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe còn quay ra chửi bới và đánh chị. Cuối năm 2014 chị đưa con vào thành phố H sinh sống. Vài tháng sau anh T có vào xin lỗi chị và gia đình và vợ chồng lại chung sống với nhau bình thường. Đến năm 2018 anh T chuyển sang nghề lái xe, bắt đầu lại chơi bời như trước và nợ nần xã hội đen không trả được, họ đã đến nhà dọa dẫm, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị và con. Vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi cọ nhau triền miên, tình cảm vợ chồng sút mẻ, tình cảm không còn, kinh tế khó khăn, mặc dù con còn nhỏ nhưng anh T không chịu làm ăn thu vén chăm lo cho gia đình vợ con. Ngoài những lúc cãi nhau ra vợ chồng không ai nói với ai câu nào. Cuộc sống căng thẳng, việc ai người đó làm không nói chuyện quan tâm đến nhau. Năm 2020 sau một lần cãi nhau, anh T bỏ về quê sinh sống tại phường C, thành phố C, tỉnh H. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm liên lạc với nhau. Thời gian đầu anh T tình có gọi điện hỏi thăm con, nhưng được vài tháng thì anh không hỏi han thăm nom gì con nữa. Vợ chồng không có ý định quay về đoàn tụ cùng nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Văn P, sinh ngày 17/4/2013 hiện đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vũ Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Vũ Văn T đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh Vũ Văn T trước yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Anh T1- em trai anh T: Anh T và chị T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là phường C), thành phố C, tỉnh H. Sau ngày cưới anh chị có thời gian ở cùng nhà với tôi cũng có thời gian vào M làm ăn. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn cụ thể thế nào tôi không nắm được. Chỉ biết anh T có về ngoài bắc làm ăn, còn chỉ T và con của anh chị vẫn ở trong nam. Thời gian anh T ở nhà có ở chung cùng với tôi và mẹ đẻ chúng tôi. Anh có đi làm ăn, thi thoảng có về thăm nhà. Nay chị T xin ly hôn anh T thì anh tôn trọng quyết định của anh chị và không có ý kiến gì.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư Đ - C xác định: Anh Vũ Văn T là con trai bà Vũ Thị L, bà L hiện ở cùng với anh T và vợ chồng anh T1 là con trai út của bà L, hiện gia đình đều đang ở khu dân cư Đ, phường C. Bà L có vấn đề về nhận thức, không được như người bình thường nên thường đi lang thang. Quá trình mâu thuẫn giữa chị T và anh T địa phương không nắm được. Chỉ xác định

được chị T không còn chung sống với anh T nữa mà đã về nhà bố mẹ đẻ ở thành phố H sinh sống.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; về con chung, giao con chung Vũ Văn P sinh ngày 17 tháng 4 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kê từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Vũ Văn T có địa chỉ cư trú tại phường C, thành phố C. Trong quá trình giải quyết vụ án, Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an có công văn trả lời số 18081/QLXNC-P5 ngày 16 tháng 8 năm 2002 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Vũ Văn T: Không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của anh Vũ Văn T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vũ Văn T là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, chị T vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị T anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Anh chị có một con chung là Vũ Văn P, sinh ngày 17/4/2013. Hiện tại cháu P đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị T, anh T thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không có quan điểm. Chị T làm kế toán tại công ty TNHH METANTCH S, thu nhập hàng tháng là 14.000.000 đồng; Chị T có việc làm ổn định, có thu nhập, có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con. Trong khi đó chị T được sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng con chung. Nguy ện vọng nuôi dưỡng con chung của chị là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ. Do cháu P ở với chị T từ nhỏ và hiện đang ở cùng chị T, vẫn được chị T chăm sóc tốt nên giao cháu P cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Do vậy anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Vũ Văn P, sinh ngày 17/4/2013 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

2.3]. Về cấp dưỡng: Xét chị T tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần được chấp nhận.

2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Vũ Văn T.
- Về con chung: Giao con chung là Vũ Văn P, sinh ngày 17/4/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh T có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.
- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0003006 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- UBND phường Cổ Thành, thành phố Chí Linh(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Vân Anh